



Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội:
Nghiên cứu Giáo dục

Website: <https://js.vnu.edu.vn/ER>



Dạy từ xung hô tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số trong mối liên hệ với văn hóa

Nguyễn Thu Phương*

*Trường Trung học Phổ thông Phan Huy Chú,
số 34, ngõ 49, Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 09 tháng 7 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 16 tháng 7 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 7 năm 2018

Tóm tắt: Dạy từ xung hô tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số là vấn đề rất có ý nghĩa trong việc hình thành và phát triển ngôn ngữ chuẩn, ngôn ngữ chính thống trong giao tiếp xã hội của cộng đồng người Việt. Đây không chỉ là vấn đề dạy tiếng Việt, mà còn là vấn đề dạy văn hóa giao tiếp, vấn đề phát triển văn hóa trong môi trường xã hội vùng đồng bào các dân tộc. Bài viết trình bày và phân tích hiện tượng lệch chuẩn trong sử dụng từ xung hô tiếng Việt, sử dụng ngôn ngữ giao tiếp tiếng Việt của học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số và nguyên nhân của hiện tượng lệch chuẩn này, mối quan hệ giữa từ xung hô tiếng Việt với văn hóa giao tiếp, yêu cầu dạy sử dụng từ xung hô tiếng Việt và những khó khăn trong việc dạy từ xung hô tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số gắn với vấn đề bảo tồn văn hóa dân tộc. Bên cạnh việc phát triển văn hóa hiện đại, hội nhập quốc gia trên những chuẩn mực ngôn ngữ giao tiếp chính thức xã hội, thì bảo tồn văn hóa giao tiếp của đồng bào các dân tộc thiểu số cũng là nhiệm vụ quan trọng hiện nay, trong bối cảnh “song hành ngôn ngữ” hay “đa hành ngôn ngữ” của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

Từ khóa: Từ xung hô, học sinh tiểu học, dân tộc thiểu số, ngôn ngữ thứ hai, văn hóa.

1. Đặt vấn đề

Dạy từ xung hô tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số với tư cách là ngôn ngữ thứ hai đang là nhiệm vụ rất quan trọng của giáo dục phổ thông hiện nay. Mục đích của việc dạy tiếng Việt là giúp cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số đạt được các chuẩn trong sử dụng tiếng Việt, cũng như trang bị cho các em những kiến thức nhất định về văn hóa giao tiếp có tính phổ thông, phổ cập để vận dụng

trong thực tiễn. Muốn đạt được hiệu quả trong việc dạy học, yêu cầu trước hết là phải thấy rõ hiện tượng lệch chuẩn trong sử dụng từ xung hô của học sinh người dân tộc, thấy rõ được nguyên nhân của hiện tượng lệch chuẩn đó, mối quan hệ mật thiết giữa sử dụng từ xung hô với văn hóa giao tiếp, những thuận lợi và khó khăn trong dạy và học từ xung hô cho học sinh người dân tộc gắn với môi trường văn hóa, xã hội của các em, để có được những phương pháp và cách thức thực hiện phù hợp với đối tượng học tập. Dạy từ xung hô tiếng Việt cũng chính là dạy văn hóa giao tiếp mới cho các em, đòi hỏi người dạy phải chú ý tới thói quen sử dụng tiếng mẹ đẻ, tới văn hóa giao tiếp truyền thống

*ĐT.: 84-1298205555.

Email: nguyenthuphuong5289@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4156>

của học sinh dân tộc. Đó cũng là thực hiện chủ trương phát triển văn hóa gắn với bảo tồn văn hóa truyền thống của các dân tộc.

2. Sự lệch chuẩn trong sử dụng từ xưng hô tiếng Việt của học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số

Ngôn ngữ của các dân tộc khác nhau là khác nhau, nên việc sử dụng từ xưng hô của các dân tộc cũng khác nhau, thậm chí “ngay trong một dân tộc, ngôn ngữ của dân tộc đó ở mỗi giai đoạn lịch sử và ở các cộng đồng giao tiếp khác nhau do nhiều lí do nên cũng có những cách xưng hô khác nhau và nhìn nhận khác nhau về cách dùng từ xưng hô” [4]. Hiện tượng lệch chuẩn tiếng Việt trong những môi trường giao tiếp chính thống, trong văn phong khoa học và văn phong hành chính của đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung và của học sinh tiểu học dân tộc thiểu số nói riêng thường xuyên xảy ra. Điều này gây nên những khó khăn nhất định trong sự tiếp nhận và hội nhập với các chuẩn mực chung của văn hóa, các tri thức khoa học hiện đại, đã đặt ra nhiệm vụ cấp bách trong việc dạy giao tiếp tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số hiện nay.

Sự khác biệt trong ngôn ngữ giao tiếp của người dân tộc thiểu số với ngôn ngữ giao tiếp tiếng Việt là rất rõ. Càng ở những vùng sâu, vùng xa thì sự khác biệt này càng lớn. Nhưng sự khác biệt này đang ngày càng được rút ngắn lại, do giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, do hội nhập kinh tế sâu rộng giữa các vùng miền, bên cạnh đó có phần đóng góp không nhỏ của giáo dục tiểu học trong việc dạy tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số.

Ngôn ngữ giao tiếp là phương tiện quan trọng của văn hóa giao tiếp. Từ xưng hô lại có vị trí quan trọng hàng đầu của văn hóa là ngôn ngữ giao tiếp. Nhưng việc sử dụng từ xưng hô tiếng Việt của học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số hiện còn nhiều hạn chế. Vì vậy, việc dạy từ xưng hô tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc là một nhiệm vụ quan trọng, để giúp các em từng bước đạt được các chuẩn

ngôn ngữ trong nhà trường, chuẩn ngôn ngữ và văn hoá trong giao tiếp, trong việc học tập ngôn ngữ thuộc văn phong hành chính và văn phong khoa học.

“Xưng hô (Addressing) trước hết là một hành vi giao tiếp xã hội” [1]. Việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, sử dụng từ xưng hô cũng là vấn đề thực hiện văn hóa giao tiếp. Khi thực hiện hoạt động giao tiếp, người nói phải dùng từ xưng hô. “Xưng” là tự xưng (ngôi thứ nhất) chủ thể giao tiếp, và “hô” là để chỉ đối tượng giao tiếp (ngôi thứ hai, ngôi thứ ba) thích hợp với vị thế, quan hệ thân - sơ, khinh - trọng, xa - gần, trên - dưới... của người “xưng”, và phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và đối tượng giao tiếp. “Từ xưng hô” là thước đo chuẩn mực của văn hóa giao tiếp. Từ xưng hô là lớp từ vựng nằm trong hệ thống ngôn ngữ, dùng để xưng hô (biểu thị các phạm trù xưng hô nhất định) trong giao tiếp xã hội. Như vậy, có thể hiểu từ xưng hô là những từ trong vốn từ của một ngôn ngữ được chủ thể giao tiếp dùng để giao tiếp với đối tượng trong các hoàn cảnh khác nhau, bao gồm hai chiều “xưng” (tự xưng) và “hô” (gọi tên đối tượng). Nó bao gồm cả việc tự quy chiếu - tự xưng, và quy chiếu vào đối tượng giao tiếp dựa trên các chuẩn mực văn hóa phổ quát của xã hội.

Từ xưng hô tiếng Việt bao gồm *đại từ nhân xưng, các từ chỉ quan hệ thân tộc và tên riêng, từ chỉ chức danh, nghề nghiệp...* Từ xưng hô thuộc nhóm từ được sử dụng nhiều nhất, trực tiếp nhất, sống động nhất, gắn bó chặt chẽ nhất với môi trường giao tiếp, thể hiện rõ rệt nhất văn hóa giao tiếp, hay đúng hơn là văn hóa ứng xử trong giao tiếp. Việt Nam là một dân tộc có văn hóa trọng tình, trọng lễ nghĩa, phép tắc, tính tôn ti trật tự... thể hiện trong việc lựa chọn từ xưng hô phụ thuộc vào tuổi tác, địa vị xã hội, quan hệ, tình cảm, thời gian, không gian giao tiếp [6]. Nhưng đây là nhóm từ có tình trạng lệch chuẩn nhiều nhất trong sử dụng của học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số. Sự lệch chuẩn trong sử dụng từ xưng hô tiếng Việt của

học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số ít nhiều đều ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp và văn hóa giao tiếp của các em, khiến cho các em có thể thiếu tự tin trong việc tự thể hiện, hay gặp trở ngại trong việc thu hút chú ý và thiện cảm của đối tượng giao tiếp.

Lỗi ngôn ngữ (lệch chuẩn) trong việc sử dụng từ xưng hô tiếng Việt của học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số là những lỗi hiển thị trên các bình diện ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng - ngữ nghĩa và giao tiếp. Những lỗi này có thể xảy ra ở ba trường hợp hay giai đoạn như sau:

- Khi học sinh chưa ý thức được sự tồn tại của một quy tắc nào trong ngôn ngữ đích. Đây là lỗi trước hệ thống. Điều này có nghĩa là, học sinh tiểu học dân tộc ít người không thể nào lý giải được tại sao mình lại sai. Ví dụ, học sinh tiểu học dân tộc H'mông khi chào một người Kinh lớn tuổi, không thể lý giải được tại sao khi nói tiếng Việt: “Chào mày” lại là sai, vì học sinh đó quy chiếu về tiếng mẹ đẻ không có thói quen sử dụng từ xưng hô tương đương với mỗi mối quan hệ khác nhau trong giao tiếp.

- Khi học sinh đã nhận được quy tắc nhưng đó là quy tắc “sai”, đây là lỗi hệ thống. Có nghĩa là người học nhận ra lỗi của mình nhưng không thể sửa được. Ví dụ có thể thấy trong lỗi hệ thống về phát âm (về ngữ âm), một số học sinh dân tộc ít người không phát âm được từ có một số thanh trong tiếng Việt như thanh “hỏi” hay thanh “ngã”. Từ phát âm sai có thể dẫn đến sai về chính tả, như một số trường hợp nói và viết “xạ hội chụ nghĩa”, “chủ tịch”, “hợp tác xa”...

- Khi học sinh biết được chính xác quy tắc nhưng lại sử dụng không nhất quán, đó cũng là lỗi sai hệ thống. Điều đó nghĩa là, học sinh tiểu học dân tộc ít người có thể nhận ra và giải thích các lỗi một cách bình thường. Ví dụ, nhiều học sinh tiểu học dân tộc ít người dùng các đại từ nhân xưng “tôi, tao, mày” với các đối tượng tham gia giao tiếp không phù hợp.

Lỗi về dùng từ xưng hô tiếng Việt trong giao tiếp là do giao thoa ngôn ngữ/văn hóa gây ra. Nhìn bề mặt ngôn ngữ thì hoàn toàn đúng, nhưng ẩn sau đó là lỗi dùng từ có thể gây sốc khi giao tiếp (sốc văn hóa), nên thường có tình trạng trong giao tiếp sẽ thấy nhiều phát ngôn

nghe “không quen tai”, “ngộ nghê”, hay thậm chí dễ bị coi “xúc phạm”!

3. Những nguyên nhân gây lệch chuẩn trong việc sử dụng từ xưng hô tiếng Việt của học sinh tiểu học dân tộc thiểu số

Để việc dạy từ xưng hô cho học sinh tiểu học dân tộc thiểu số đạt hiệu quả, điều chú ý đầu tiên là chúng ta phải thấy được những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng lệch chuẩn trong sử dụng từ xưng hô tiếng Việt, những nguyên nhân mang tính ngẫu nhiên hay tất yếu, cục bộ hay phổ biến. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng hiện tượng lệch chuẩn là có tính phổ biến và tất yếu. Nó xuất phát từ những quy luật của việc hình thành ngôn ngữ giao tiếp tạo ra. Ở đây, chúng ta cần chú ý tới ba vấn đề quan trọng là vấn đề giao thoa ngôn ngữ, vấn đề chuyển di ngôn ngữ và vấn đề tiếp biến văn hóa.

Thứ nhất, vấn đề giao thoa ngôn ngữ. “Giao thoa” là “hiện tượng hai hay nhiều sóng cùng tần số làm tăng cường hay làm suy yếu lẫn nhau khi gặp nhau tại một điểm” [7]. “Giao thoa ngôn ngữ là hệ quả của sự tiếp xúc trực tiếp giữa các ngôn ngữ...” [4]. Thuật ngữ này được dùng trong ngôn ngữ học để chỉ khi hai hoặc hơn hai ngôn ngữ tiếp xúc với nhau ở các cá thể hay cộng đồng khi hệ thống ngôn ngữ này chịu ảnh hưởng của hệ thống ngôn ngữ khác tạo nên sự lan tỏa, tiếp biến và chuyển thành các hiện tượng như mô phỏng, vay mượn.

Giao thoa ngôn ngữ có hai dạng, cá nhân và cộng đồng. Giao thoa cá nhân là nguồn gốc sinh ra lỗi ngôn ngữ cá nhân, giao thoa mang tính cộng đồng sẽ dẫn đến sự biến đổi ngôn ngữ, tạo ra biến thể ngôn ngữ của cả cộng đồng.

Biểu hiện của sự giao thoa ngôn ngữ đối với học sinh tiểu học dân tộc ít người thể hiện ở các bình diện sau:

- Bình diện ngữ âm: với những âm của tiếng Việt không có trong hệ thống ngữ âm của tiếng mẹ đẻ hoặc không phát âm theo cách gần với âm của tiếng mẹ đẻ để thay thế.

- Bình diện từ vựng: học sinh tiểu học dân tộc ít người học tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai sẽ mượn từ ngữ của tiếng Việt để dùng trong trường hợp tiếng mẹ đẻ không có từ ngữ tương đương. Trong xung hô cũng vậy, học sinh tiểu học dân tộc ít người sẽ mượn các từ ngữ như “thầy hiệu trưởng”, “cô tổng phụ trách”, “hợp tác xã”, “chủ nghĩa xã hội”... hay hàng loạt từ khoa học, hành chính để dùng khi giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ.

- Bình diện ngữ pháp: Các cấu trúc câu trong phát ngôn, các trình bày, diễn đạt trong tiếng mẹ đẻ không có thì học sinh tiểu học dân tộc ít người đều mượn văn phong của tiếng Việt, cách trình bày của tiếng Việt.

- Bình diện văn hóa giao tiếp: học sinh tiểu học dân tộc ít người học tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai một mặt học theo những cách giao tiếp, nói năng, văn hóa giao tiếp của tiếng Việt vào tiếng mẹ đẻ, và ngược lại, cũng đưa những cách giao tiếp, nói năng, văn hóa giao tiếp của tiếng mẹ đẻ vào tiếng Việt khi sử dụng trong giao tiếp chính thức xã hội.

Từ hiện tượng giao thoa ngôn ngữ, cho thấy nguyên nhân của hiện tượng lệch chuẩn tiếng Việt của học sinh tiểu học dân tộc ít người khi học tiếng Việt. Sự lệch chuẩn có thể ở bình diện ngữ âm (phát âm theo cách của tiếng mẹ đẻ), ở bình diện từ vựng (dùng từ sai về nghĩa, phong cách hay văn cảnh), ở bình diện văn hóa giao tiếp (dùng từ xung hô không phù hợp với vị thế, mối quan hệ trong giao tiếp)... Lỗi do giao thoa ngôn ngữ là sự vi phạm các quy tắc về ngôn ngữ và văn hóa trong sử dụng ngôn từ. Lỗi ngôn ngữ thường thể hiện ở hình thức ngôn ngữ (sai lệch so với chuẩn) nên gọi là lỗi tường minh hay lỗi hiển thị. Còn lỗi văn hóa thường ở đằng sau ngôn ngữ (câu chữ) nên khó phát hiện, vì thế lỗi này có thể gọi là lỗi ẩn, lỗi không tường minh.

Thứ hai, vấn đề chuyển di ngôn ngữ. Chuyển di (transfer) là lệch chuẩn thường thấy do giao thoa ngôn ngữ gây ra. Đó là do ảnh hưởng xuất phát từ sự giống nhau và khác nhau giữa ngôn ngữ đích và ngôn ngữ bất kì nào đã được thụ đắc chưa hoàn hảo trước đó. Có hai loại chuyển di: chuyển di tích cực và chuyển di

tiêu cực. Chuyển di tích cực là sự chuyển di tạo thuận lợi cho việc tiếp thu ngôn ngữ đích. Chuyển di tiêu cực là sự chuyển di gây khó khăn cho việc tiếp thu ngôn ngữ đích.

Chuyển di ngôn ngữ xuất hiện trong môi trường “đa hành ngôn ngữ”, do người sử dụng đa ngôn ngữ thường áp đặt thói quen ngôn ngữ văn hóa trong quá trình giao tiếp mà biểu hiện đó là cách sử dụng từ ngữ, lối diễn đạt, cách phát âm... Sự áp đặt thường xảy ra theo chiều từ ngôn ngữ văn hóa nguồn sang ngôn ngữ văn hóa đích. Ví dụ học sinh tiểu học dân tộc ít người khi nói tiếng Việt sẽ áp đặt thói quen ngôn ngữ văn hóa trong tiếng mẹ đẻ sang tiếng Việt. Nhưng cũng có trường hợp ngược lại, đó là áp đặt theo chiều ngôn ngữ văn hóa đích sang ngôn ngữ văn hóa nguồn. Ví dụ, học sinh tiểu học dân tộc ít người khi nói tiếng mẹ đẻ lại sử dụng ngôn ngữ văn hóa tiếng Việt. Sự chuyển di giữa các ngôn ngữ được gọi là sự chuyển di liên ngôn. Đây là nguyên nhân gây ra lỗi ngôn ngữ, văn hóa, trong đó có việc sử dụng từ xung hô của học sinh tiểu học dân tộc ít người.

Thứ ba, vấn đề tiếp biến văn hóa. Tiếp biến văn hóa (acculturation) được hiểu là tiếp thu và biến đổi văn hóa ngoại lai để tồn tại phù hợp với điều kiện văn hóa của một cộng đồng nhất định. Khái niệm tiếp biến văn hóa thường được dùng để nói tới tình trạng ảnh hưởng văn hóa nước ngoài của một quốc gia, nhưng trong một số trường hợp nó cũng được dùng để chỉ sự tiếp thu văn hóa của cộng đồng này đối với cộng đồng khác trong một quốc gia, nhất là giữa các dân tộc khác nhau. Ở Việt Nam, văn hóa các dân tộc ít người thường tiếp biến văn hóa của các dân tộc khác, nhất là văn hóa của dân tộc chiếm đa số, giữ vai trò là “văn hóa phổ thông”. Trong lĩnh vực ngôn ngữ, việc các dân tộc ít người tiếp thu ngôn ngữ “phổ thông” - tiếng Kinh/Việt - cũng là hiện tượng tiếp biến văn hóa [8].

Trong quá trình dạy ngôn ngữ phổ thông, dạy từ xung hô tiếng Việt gặp không ít khó khăn bởi sự khác biệt về cách phát âm, chữ viết, thói quen sử dụng ngôn ngữ, nghĩa từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp... Đó có thể xem như là sự “khúc xạ» của văn hóa trong ngôn

ngữ giao tiếp, bởi “văn hóa là một quan hệ, nó là quan hệ giữa thế giới biểu tượng với thế giới thực tại. Quan hệ đó biến thành một kiểu lựa chọn riêng của một tộc người, một cá nhân so với một tộc người khác, một cá nhân khác. Nét khu biệt các kiểu lựa chọn làm cho chúng khác nhau, đó là độ khúc xạ” [5]. Những điều này liên quan trực tiếp tới hiện tượng “giao thoa ngôn ngữ” và “chuyên di ngôn ngữ” nói trên, tạo ra sự “lệch chuẩn” trong sử dụng ngôn ngữ của học sinh các dân tộc ít người, trong đó có việc sử dụng từ xưng hô. Quá trình tiếp biến văn hóa bao giờ cũng tồn tại song song cả hai yếu tố, nguồn và đích, nội sinh và ngoại lai. Sự chuyển dịch về đích chuẩn tiếng Việt chỉ là tương đối chứ không tuyệt đối. Vì thế, việc dạy từ xưng hô cho học sinh tiểu học người dân tộc ít người đạt chuẩn tiếng Việt cần hết sức lưu ý vấn đề này.

4. Dạy sử dụng từ xưng hô tiếng Việt gắn với văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số

Văn hóa giao tiếp là khái niệm chỉ những hành vi và thái độ có tính chuẩn mực xã hội trong giao tiếp giữa con người với con người. Văn hóa giao tiếp mang tính cá nhân và tính xã hội, tính lịch sử và tính dân tộc, tính giai cấp và tính vùng miền. Điều quan trọng nhất trong việc hình thành và thể hiện của văn hóa giao tiếp là năng lực cá nhân và truyền thống văn hóa của cộng đồng.

Văn hóa giao tiếp gắn với những chủ thể nhất định. Có thể hiểu, văn hoá giao tiếp là cách thức con người thể hiện qua ngôn ngữ, hành vi, lối sống, quan điểm... trong mỗi quan hệ tương tác với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Trong đó ngôn ngữ giao tiếp là yếu tố đầu tiên, và từ xưng hô là một bộ phận cấu thành quan trọng. Để xác định việc sử dụng từ xưng hô có đạt chuẩn của ngôn ngữ giao tiếp, của văn hoá giao tiếp hay không, theo Đoàn Văn Chúc, chúng ta thường xét các yếu tố sau đây:

- Từ xưng hô được thường xuyên lặp đi lặp lại, tức là tính thời gian của việc sử dụng từ xưng hô;

- Từ xưng hô được lặp lại theo cùng một cách bởi nhiều người, tức là tính không gian của của việc sử dụng từ xưng hô;

- Từ xưng hô có tác dụng kim chỉ nam mẫu mực hay chuẩn quy tắc giao tiếp cho các thành viên của một nhóm hay một xã hội;

- Từ xưng hô chứa đựng một ý nghĩa xã hội nào đấy, tức là nó biểu thị kiến thức, tư tưởng hoặc tình cảm mà chủ thể đã đạt được [2].

Như vậy, từ xưng hô là công cụ hay phương tiện của văn hóa giao tiếp, biểu đạt chuẩn mực ngôn ngữ trong cách thức quan hệ, thái độ và hành động của các chủ thể được biểu hiện dưới dạng những chuẩn mực, giá trị cơ bản của xã hội (đạo đức, luật pháp, thẩm mỹ...). Văn hoá giao tiếp tồn tại dưới dạng các phương tiện giao tiếp, các nguyên tắc ứng xử, các phương châm xử thế của con người ở những điều kiện nhất định, phản ánh lối sống, cách suy nghĩ và ứng xử của con người đối với bản thân, với những người khác trong công việc và môi trường hoạt động hàng ngày của họ. Từ xưng hô là phương tiện thể hiện của văn hóa ứng xử. Để học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số hình thành và phát triển văn hóa xưng hô trong giao tiếp bằng tiếng Việt, ngoài nhiệm vụ giúp các em có những kiến thức, có vốn từ xưng hô theo cấp, tương ứng cách xưng hô,..., nhất thiết cần có nội dung dạy chuẩn mực xưng hô, “giá trị và thái độ xưng hô”. Chẳng hạn, học sinh cần được học những nét văn hóa giao tiếp như “xưng khiêm, hô tôn”, xưng hô phải phù hợp với vị thế ngang bằng hay người dưới với người trên, hoặc người trên với người dưới để đảm bảo lễ phép, lịch sự; xưng hô phù hợp với tình cảm, thái độ và quan hệ thân - sơ, ... Việc dạy từ xưng hô cũng liên quan mật thiết tới văn hóa giao tiếp, ứng xử cho học sinh tiểu học dân tộc thiểu số. Thông qua việc dạy từ xưng hô tiếng Việt, giáo viên có thể giúp học sinh được trang bị thêm tri thức về văn hóa giao tiếp, ứng xử có tính chuẩn mực phổ thông. Văn hóa giao tiếp là một trong những biểu hiện của lối sống văn minh, lịch sự, được tôn trọng và đề cao. Văn hóa giao tiếp bao gồm ứng xử ngôn ngữ và cả các yếu tố phi ngôn ngữ như ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, trang phục,... Văn hóa xưng hô có thể

hiểu là cách xưng hô, cách dùng từ xưng hô do mỗi tộc người, mỗi cộng đồng ngôn ngữ sáng tạo và được coi là chuẩn mực, được lưu giữ, điều chỉnh theo hướng tích cực, phù hợp với thời đại. Theo Nguyễn Văn Khang, “ngay trong một dân tộc, ngôn ngữ của dân tộc đó ở mỗi giai đoạn lịch sử và ở các cộng đồng giao tiếp khác nhau do nhiều lý do nên cũng có những cách xưng hô khác nhau và nhìn nhận khác nhau về cách dùng từ xưng hô” [4].

5. Dạy sử dụng từ xưng hô tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số và vấn đề bảo tồn văn hóa dân tộc

Việc dạy tiếng Việt nói chung, dạy từ xưng hô cho học sinh tiểu học dân tộc thiểu số cần chú ý đến vấn đề tính đặc thù của văn hóa dân tộc và tính phổ quát của văn hóa “phổ thông”, tới mối quan hệ giữa ngôn ngữ dân tộc thiểu số (tiếng mẹ đẻ) và ngôn ngữ phổ thông quốc gia, giữa “ngôn ngữ thứ nhất” và “ngôn ngữ thứ hai”, vấn đề “quốc ngữ” và “bản ngữ” của người dân tộc... Từ đó xây dựng các phương án thực hiện trên quan điểm tiếp cận hài hòa, chứ không cực đoan. Bởi điều này liên quan đến vấn đề hội nhập văn hóa và vấn đề bảo tồn văn hóa dân tộc. Tiếp thu cái mới cũng như bảo tồn truyền thống chính là thể hiện bản lĩnh, sức đề kháng của dân tộc. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cho rằng: “Cốt lõi của sức sống dân tộc là văn hóa với nghĩa bao quát và cao đẹp nhất của nó, bao gồm cả hệ thống giá trị: tư tưởng và tình cảm, đạo đức với phẩm chất, trí tuệ và tài năng, sự nhạy cảm và sự tiếp thu cái mới từ bên ngoài, ý thức bảo vệ tài sản và bản lĩnh của cộng đồng dân tộc, sức đề kháng và sức chiến đấu để bảo vệ mình và không ngừng lớn mạnh” [3].

Chuẩn ngôn ngữ tiếng Việt là vấn đề hội nhập, tiếp biến văn hóa. Bảo tồn văn hóa dân tộc là vấn đề bảo vệ tiếng mẹ đẻ, bảo vệ bản ngữ của đồng bào các dân tộc ít người. Hai điều này phải được giải quyết đồng thời và hợp lý trên nguyên tắc hài hòa. Văn hóa là sự khác biệt. Văn hóa một quốc gia là sự đa dạng văn hóa các dân tộc dựa trên sự khác biệt. Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn hóa. Không có ngôn

ngữ riêng, khác biệt thì không có văn hóa riêng, không có khác biệt văn hóa giữa các dân tộc. Vì vậy, việc dạy tiếng Việt cho học sinh tiểu học dân tộc ít người, trong đó có dạy từ xưng hô, cần hết sức quan tâm tới điều này, làm sao vừa đạt được những hiệu quả dạy tiếng Việt, vừa bảo tồn được sự khác biệt ngôn ngữ của các dân tộc ít người. Đó là thái độ và hành vi phù hợp đối với tiếng mẹ đẻ cũng như tiếng phổ thông của học sinh tiểu học dân tộc thiểu số.

Có nhiều quan niệm khác nhau về tiếng mẹ đẻ. Khi xem xét vấn đề giáo dục bằng bản ngữ, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc đã đưa ra khái niệm: “Tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ mà con người học được trong những năm đầu của đời mình và thường trở thành công cụ tư duy và truyền thống tự nhiên. Tiếng mẹ đẻ không cần phải là thứ tiếng mà cha mẹ của đứa trẻ dùng, cũng không cần phải là ngôn ngữ ngẫu nhiên mà đứa trẻ học để nói, bởi vì có những hoàn cảnh đặc biệt làm cho nó vào một tuổi rất sớm đã bỏ một phần hay bỏ hoàn toàn ngôn ngữ đó” [9]. Khái niệm của UNESCO mang tính mở, phù hợp với đặc điểm xã hội hiện đại: hiện tượng di dân, di chuyển, hội nhập diễn ra khá phức tạp. Theo định nghĩa này, tiếng mẹ đẻ của học sinh tiểu học dân tộc ít người chính là tiếng nói của các dân tộc, bởi từ khi sinh ra, các em đã được nghe cha mẹ và nói bằng tiếng nói dân tộc mình. Nhưng cần hiểu đây là cảnh báo của UNESCO về sự biến mất của tiếng mẹ đẻ trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập và phát triển hiện nay. Giáo dục gắn với bảo tồn tiếng mẹ đẻ là một yêu cầu văn hóa có tính toàn cầu.

Từ xưng hô - ngôn ngữ giao tiếp - tiếng mẹ đẻ, đó là những điều liên quan tới việc dạy từ xưng hô tiếng Việt cho học sinh tiểu học dân tộc thiểu số, bởi vì đó không chỉ đơn thuần là vấn đề kiến thức ngôn ngữ, đó còn là vấn đề văn hóa dân tộc.

Trong văn hóa truyền thống, từ xưng hô thường có ba không gian sinh tồn chính là: (1) Xưng hô trong quan hệ gia đình, (2) Xưng hô trong quan hệ làng xã, (3) Xưng hô trong quan hệ quốc gia. Trong thời hiện đại, không gian đó mở rộng hơn và một số ranh giới bị mờ nhòe đi,

nhưng vẫn có thể hình dung gồm: (1) Xung hô trong quan hệ gia đình, (2) Xung hô trong quan hệ xã hội, sinh hoạt xã hội, (3) Xung hô trong quan hệ công tác, trong các cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp nhà nước hay tư nhân... Xét về nội dung chức năng, từ xung hô nằm trong hai loại giao tiếp: (1) Giao tiếp chính thống, chính thức xã hội, (2) Giao tiếp phi chính thống, phi chính thức xã hội. Nó cũng nằm trong cả hai loại phong cách ngôn ngữ: (1) Phong cách cao, thể hiện sự cao nhã, trang trọng, mang tính xã hội cao, (2) Phong cách thấp, thể hiện vẻ suồng sã, thân mật, mang tính cá nhân cao.

Từ xung hô trong nhà trường (trong giờ học và các hoạt động của lớp, trường, ...), thuộc về phong cách cao, thuộc về giao tiếp chính thức xã hội, nó nằm trong quan hệ chính thống. Tùy theo hoàn cảnh, tình huống cụ thể, nó có thể thuộc văn phong hành chính hoặc văn phong khoa học. Nhưng từ xung hô vốn là công cụ của giao tiếp, ứng xử trong nhà trường, nên nó cũng vẫn chấp nhận những lớp từ vựng đa dạng, phong phú cho phép có cả sự thân mật, thân tình, gần gũi, phi chính thống... Nhưng đó là trong các giao tiếp phi chính thống và những văn cảnh cá biệt, riêng tư.

Dạy từ xung hô tiếng Việt cho học sinh tiểu học dân tộc thiểu số phải đặt trong môi trường văn hóa, môi trường giao tiếp của các em. Học sinh người dân tộc đa số (dân tộc Kinh và các dân tộc tiếp xúc rộng rãi với văn hóa người Kinh) học tiếng Việt, từ xung hô tiếng Việt nằm trong môi sinh văn hóa của người Kinh, nơi sản sinh ra tiếng Việt, xem tiếng Việt là ngôn ngữ thứ nhất và duy nhất, hoàn toàn khác với việc học sinh dân tộc thiểu số ở vùng sâu vùng xa học tiếng Việt, từ xung hô tiếng Việt vốn nằm ngoài môi sinh văn hóa của họ, với tư cách là học ngôn ngữ thứ hai. Vì thế không thể không chú ý đến những điều kiện cần thiết để việc giảng dạy này đạt hiệu quả tích cực. Người dạy phải chú ý đến những điều kiện của giao tiếp văn hóa xã hội (nếu học sinh được giao tiếp rộng và thường xuyên sẽ thuận lợi hơn), điều kiện của giao lưu kinh tế (những nơi giao lưu kinh tế đa vùng kém thì cũng gặp trở ngại), điều

kiện tự nhiên thuận lợi (sự chia cắt về mặt địa lý là một cản trở lớn), điều kiện về chính sách ưu đãi của nhà nước, điều kiện về chương trình, sách giáo khoa của môn học phù hợp... và nhất là tâm huyết và trách nhiệm của đội ngũ giáo viên.

Dạy từ xung hô tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số cần chú ý so sánh từ xung hô, cách xung hô của tiếng mẹ đẻ với tiếng Việt. Những điểm khác biệt về văn hóa xung hô giữa tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt cần được tập trung lưu ý, luyện tập. Cách làm này không chỉ giúp học sinh nhanh chóng nắm được, sử dụng được từ xung hô tiếng Việt phù hợp với văn hóa giao tiếp mà còn giúp các em hiểu và bảo tồn được văn hóa xung hô của tiếng mẹ đẻ.

Dạy từ xung hô tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số là vấn đề rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển ngôn ngữ chuẩn, ngôn ngữ chính thống trong giao tiếp xã hội. Đây không chỉ là vấn đề dạy ngôn ngữ, mà còn là vấn đề dạy văn hóa giao tiếp, vấn đề phát triển văn hóa trong môi trường xã hội vùng đồng bào các dân tộc. Bên cạnh việc phát triển văn hóa hiện đại, hội nhập quốc gia trên những chuẩn mực ngôn ngữ giao tiếp thông qua dạy từ xung hô cho học sinh tiểu học dân tộc thiểu số, thì bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp của đồng bào các dân tộc thiểu số cũng là nhiệm vụ quan trọng hiện nay, gắn bó chặt chẽ với việc bảo vệ sự đa dạng văn hóa.

“Sự đa dạng về ngôn ngữ được quy định bởi sự tồn tại nhiều ngôn ngữ nói trên thế giới mà theo ước tính có tới 6000 đến 7000 ngôn ngữ. Ngày nay, bảo tồn đa dạng này là một trong những thách thức cấp bách nhất đối với thế giới của chúng ta” [9]. Vì vậy, việc dạy tiếng Việt, phát huy năng lực sử dụng tiếng Việt của học sinh tiểu học dân tộc thiểu số cũng gắn liền với việc bảo tồn ngôn ngữ dân tộc, bảo tồn tiếng mẹ đẻ của các em. Sự tồn tại khách quan của hiện tượng “song hành ngôn ngữ” hay “đa hành ngôn ngữ” trong văn hóa các dân tộc là một biểu hiện có tính phổ biến trên thế giới, mà bảo vệ nó là một khuyến cáo cấp bách của UNESCO trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

6. Kết luận

Việc xóa bỏ sự khác biệt trong sử dụng ngôn ngữ giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số so với ngôn ngữ phổ thông là điều không thể, bởi sự khác biệt về truyền thống văn hóa, bởi điều kiện kinh tế xã hội và các điều kiện khác quy định. Hơn nữa, sự khác biệt trong ngôn ngữ giao tiếp chính là biểu hiện của sự khác biệt văn hóa mang tính tất yếu giữa các dân tộc, nhất là trong ngôn ngữ giao tiếp phi chính thống, ngôn ngữ giao tiếp dân gian. Nhưng trong ngôn ngữ giao tiếp chính thống, chính thức xã hội, nhất là trong văn phong hành chính và văn phong khoa học, yêu cầu từng bước chuẩn hóa và thống nhất hóa là điều bắt buộc đối với nền giáo dục quốc dân. Đây cũng là việc góp phần đưa đời sống văn hóa, xã hội, đời sống kinh tế của đồng bào các dân tộc hội nhập với cả nước, trong khi vẫn có thể bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Chiến (1992), Sử dụng từ xưng hô, một biểu hiện của thể ứng xử của tiếng Việt, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 6, Hà Nội.
- [2] Đoàn Văn Chúc (1997), Xã hội học Văn hoá, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [3] Phạm Văn Đồng, Văn hóa và Đổi mới, NXB Chính trị Quốc gia, H. 1994, tr. 16.
- [4] Nguyễn Văn Khang (1998), Ngôn ngữ học Xã hội - Những vấn đề còn để ngỏ, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [5] Phan Ngọc (1994), Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [6] Trần Ngọc Thêm (1997), Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [7] Trung tâm Từ điển học (1994), Từ điển tiếng Việt, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Trần Quốc Vượng (Chủ biên, 1996), Văn hoá học đại cương và cơ sở văn hoá Việt Nam. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [9] UNESCO (2003), Giáo dục trong một thế giới đa ngôn ngữ. Tài liệu về quan điểm giáo dục của UNESCO. <http://unesdoc.unesco.org/images/0012/001297/129728VIEB.pdf>. Truy cập ngày 20/6/2018.

Teaching Primary Student of Minority People about Vietnamese Personal Pronouns in Relation to Culture

Nguyen Thu Phuong

Phan Huy Chu High School, 34 Huynh Thuc Khang, Dong Da, Hanoi, Vietnam

Abstract: Teaching primary student of minority people about Vietnamese personal pronouns as second language is very important in formatting and developing standard language in social communication. This is not only teaching language but also teaching Vietnamese communication culture to developing in social environment of minority people. This article refers to the standard deviation in using Vietnamese personal pronouns of primary student of minority people; the relationship between Vietnamese personal pronouns and communication culture; the difficulties in teaching primary student of minority people about Vietnamese personal pronouns and using Vietnamese personal pronouns relate to preserve national culture. Besides the development of modern culture, national integration on standard formal communicational language of society, preserving communicational culture of minority people is an important mission currently in case of “bilingualism” or “multilingualism” of Vietnamese minority people.

Keywords: Personal pronouns, primary student, minority people, second language, culture.